

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ thu nhập cho cán bộ,
công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan trình ban hành quy định hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin (CNTT) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Tại phiên họp Thường kỳ tháng 11 năm 2020, UBND tỉnh đã thảo luận và thống nhất trình ban hành Nghị quyết quy định nêu trên.

Thực hiện ý kiến Kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 23/11/2020; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành chính sách hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin (CNTT) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa với những nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH

1. Căn cứ pháp lý

- Tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của

Chính phủ về việc Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước: *“Khuyến khích các cơ quan nhà nước ban hành quy định ưu đãi về thu nhập cho nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan mình”*.

- Tại Điểm i mục 2 phần II Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế: *“Xây dựng chính sách thu hút và đãi ngộ, chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước”*.

- Tại Điểm g Mục 5 Phần IV Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025: *“Nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử trong bộ máy nhà nước”*.

- Tại ý 2 Mục 5 phần III Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: *“Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao”*.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, trong những năm qua tỉnh Thanh Hóa đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách trong lĩnh vực ứng dụng và phát triển CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử, phát triển các dịch vụ thành phố thông minh; triển khai các chính sách tiếp cận các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, ... Việc triển khai ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử đã nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp, các ngành; công tác cải cách hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; nâng cao các chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư của tỉnh.

Góp phần quan trọng vào những kết quả đó, có sự tham gia trực tiếp trong công tác tham mưu, quản lý, hướng dẫn, triển khai, hỗ trợ, vận hành các hệ thống thông tin của đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan Đảng, Nhà nước của tỉnh. Tuy nhiên, trong thực tế đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, khối lượng công việc nhiều, áp lực công việc lớn, trách nhiệm công việc cao; ngoài việc phải duy trì, hỗ trợ, tham mưu triển khai các hệ thống thông tin tại đơn vị, còn phải tham gia hỗ trợ ứng dụng CNTT, bảo mật thông tin và đảm bảo an toàn thông tin tại các đơn vị.

Thực tế hiện nay đang có sự chênh lệch lớn về mức thu nhập giữa cán bộ CNTT trong các cơ quan Đảng, Nhà nước với cán bộ CNTT trong khối doanh nghiệp nên rất khó để thu hút được nhân lực CNTT có chất lượng cao vào làm

việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước của tỉnh.

Để triển khai hiệu quả Chương trình xây dựng Chính quyền điện tử và các dịch vụ của thành phố thông minh, lực lượng cán bộ, công chức chuyên trách CNTT đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc vận hành, duy trì, hỗ trợ đảm bảo an toàn thông tin, cho các hệ thống CNTT dùng chung của tỉnh; việc động viên tinh thần và hỗ trợ kịp thời về thu nhập cho đội ngũ cán bộ CNTT là hết sức cần thiết.

Thực tế đến nay, có nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước đã ban hành chính sách hỗ trợ thêm thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách CNTT, như: Nghệ An, Hà Tĩnh, Lào Cai, Vĩnh phúc, Hà Giang, Sơn La, Tiền Giang, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Thừa Thiên Huế, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, ...

Việc ban hành chính sách này là hoàn toàn phù hợp với mục tiêu, yêu cầu về ứng dụng và phát triển CNTT của Đảng, Nhà nước và của tỉnh.

II. NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người được giao trực tiếp quản lý, vận hành các hệ thống CNTT trong các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh của tỉnh Thanh Hóa (cán bộ Quản trị mạng).

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người được giao trực tiếp quản lý, vận hành các hệ thống CNTT dùng chung của tỉnh đặt tại các Trung tâm dữ liệu của tỉnh gồm:

- Phòng Cơ yếu - CNTT thuộc Văn phòng Tỉnh ủy.

- Phòng Quản lý Công Thông tin điện tử và CNTT thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

- Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ Phòng Quản trị hệ thống thuộc Trung tâm CNTT&TT của Sở Thông tin và Truyền thông.

c) Cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu công tác quản lý nhà nước về CNTT tại Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng Quản lý CNTT).

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ

a) Đảm bảo đúng đối tượng theo quy định.

b) Có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên thuộc các nhóm ngành máy tính và CNTT, điện tử và viễn thông.

3. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ hàng tháng được tính như sau:

- Trình độ tiến sĩ: bằng 2 lần mức lương cơ sở.

- Trình độ thạc sĩ: bằng 1.8 lần mức lương cơ sở.

- Trình độ đại học: bằng 1.5 lần mức lương cơ sở.

Mức hỗ trợ được thay đổi tương ứng khi mức lương cơ sở thay đổi.

4. Kinh phí thực hiện:

a) Dự kiến kinh phí hỗ trợ: 3.1 tỷ đồng/năm.

b) Nguồn kinh phí: Kinh phí chi trả hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức chuyên trách CNTT sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp hiện hành, được bố trí trong dự toán kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc chi trả hỗ trợ thu nhập được chi trả cùng với tiền lương hàng tháng và không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

5. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 01/01/2021.

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết:

1) Các đơn vị có đối tượng thuộc diện được hưởng hỗ trợ, căn cứ Nghị quyết, hàng năm lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán chi thường xuyên, làm cơ sở thực hiện việc chi trả cho các đối tượng theo quy định.

Riêng năm đầu thực hiện Nghị quyết chưa đưa vào dự toán, các đơn vị tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định trình cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán để thực hiện theo quy định.

2) UBND tỉnh chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện được hưởng hỗ trợ theo quy định.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở TT&TT;
- Lưu: VT, THKH, CNTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách
Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

DỰ THẢO

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 – 2020, định hướng đến năm 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức chuyên trách Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Trên cơ sở Báo cáo thẩm tra của;

Ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân khóa XVII, kỳ họp thứ 14,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Đối tượng được hưởng hỗ trợ

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người được giao trực tiếp quản lý, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh của tỉnh Thanh Hóa (cán bộ Quản trị mạng).

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người được giao trực tiếp quản lý, vận hành các hệ thống Công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh đặt tại các Trung tâm dữ liệu của tỉnh gồm:

- Phòng Cơ yếu - CNTT thuộc Văn phòng Tỉnh ủy.
- Phòng Quản lý Cổng Thông tin điện tử và CNTT thuộc Văn phòng UBND tỉnh.
- Giám đốc, Phó Giám đốc, các cán bộ Phòng Quản trị hệ thống thuộc Trung tâm CNTT&TT của Sở Thông tin và Truyền thông.

c) Cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu công tác quản lý nhà nước về Công nghệ thông tin tại Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng Quản lý CNTT).

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ

a) Là đối tượng theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết này.

b) Có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên thuộc các nhóm ngành tin học, máy tính và công nghệ thông tin, điện tử và viễn thông.

3. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ hàng tháng được tính như sau:

- Trình độ tiến sĩ (theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 1): bằng 2 lần mức lương cơ sở.

- Trình độ thạc sĩ (theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 1): bằng 1.8 lần mức lương cơ sở.

- Trình độ đại học (theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 1): bằng 1.5 lần mức lương cơ sở.

4. Nguồn kinh phí

Kinh phí chi trả hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức chuyên trách Công nghệ thông tin sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp hiện hành, được bố trí trong dự toán kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc chi trả hỗ trợ thu nhập được chi trả cùng với tiền lương hàng tháng và không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

5. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 01/01/2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính hàng năm rà soát các đối tượng đảm bảo theo đúng quy định trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVII, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày tháng năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://hdndthanhhoa.gov.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

Số: 577/BCTĐ-STP

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ thu nhập cho cán bộ,
công chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các
cơ quan hành chính tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1657/STTTT-CNTT ngày 15/9/2020 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc thẩm định hồ sơ trình ban hành Quy định hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức chuyên trách Công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính tỉnh Thanh Hóa. Sau khi nghiên cứu dự thảo, căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản:

Điểm đ, khoản 5, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: *“Quyết định chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên”*.

Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước quy định: *“Khuyến khích các cơ quan nhà nước ban hành quy định ưu đãi về thu nhập cho nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan mình”*.

Theo quy định tại Điểm i0, Khoản 1, Mục II Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ thì UBND tỉnh được giao thực hiện nhiệm vụ sau: *“Xây dựng chính sách thu hút và đãi ngộ, chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước”*.

Căn cứ các quy định trên và tình hình thực tế của địa phương thì HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức làm

công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thanh Hóa là phù hợp và đúng thẩm quyền.

2. Về tên gọi của văn bản:

Dự thảo có tên gọi là “*Nghị quyết quy định hỗ trợ thu nhập cán bộ, công chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính tỉnh Thanh Hóa*”. Đề nghị sửa lại thành: “*Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thanh Hóa*”, cho phù hợp. Tương tự sửa lại tiêu đề của Điều 1 cho phù hợp.

4. Về nội dung dự thảo văn bản:

- Khoản 1, Điều 1 dự thảo quy định về đối tượng được hưởng hỗ trợ.

“*a) Cán bộ, công chức, người được giao trực tiếp quản lý, vận hành các hệ thống Công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện*”;

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người được giao quản lý, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh đặt tại Trung tâm dữ liệu của văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông.

c) Cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu công tác quản lý nhà nước và Công nghệ thông tin tại Sở Thông tin và Truyền thông.”

Dự thảo mới chỉ nêu chung chung đối tượng được hỗ trợ mà chưa xác định được cụ thể số lượng cán bộ, công chức chuyên trách được hưởng hỗ trợ. Việc dự thảo không quy định vị trí việc làm được hỗ trợ cụ thể, cũng như số lượng được hỗ trợ sẽ dẫn tới việc lợi dụng chính sách và tùy tiện trong việc áp dụng chính sách, do vậy, đề nghị dự thảo cần làm rõ vị trí được hỗ trợ, số lượng được hỗ trợ.

- Điều 2 dự thảo quy định: “*Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nhiệm vụ, tiêu chuẩn nghiệp vụ, điều kiện được hưởng hỗ trợ*”. Đề nghị không giao cho UBND tỉnh quy định về nhiệm vụ, tiêu chuẩn nghiệp vụ, điều kiện được hưởng hỗ trợ, chỉ giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành tổ chức thực hiện. Trường hợp nếu xét thấy cần thiết cần phải quy định về: *nhiệm vụ, tiêu chuẩn nghiệp vụ, điều kiện được hưởng hỗ trợ của đối tượng hỗ trợ* thì đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu để bổ sung vào dự thảo Nghị quyết để đảm bảo tính thống nhất của văn bản.

5. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản:

- Tại phần căn cứ ban hành văn bản trình bày chưa phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 61, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Đề nghị trình bày lại (in nghiêng).

- Tại phần nơi nhận: Đây là văn bản QPPL, vì vậy, đề nghị tại phần nơi nhận bổ sung Bộ Tư pháp để thực hiện việc kiểm tra văn bản và Sở Tư pháp để thực hiện việc cập nhật cơ sở quốc gia về pháp luật.

Kính chuyển Sở Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, XDVB.



GIÁM ĐỐC

Bùi Đình Sơn

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành chính sách hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức,
viên chức chuyên trách Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 10550/UBND-CNTT ngày 05/8/2020 về việc khắc phục các hạn chế, yếu kém trong việc tạo lập, trao đổi, xử lý và ký số văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, trong đó, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông “Xây dựng cơ chế, chính sách, phụ cấp đặc thù cho đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách Công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh”. Sở Thông tin đã xây dựng các Dự thảo Tờ trình và Nghị quyết Quy định hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách Công nghệ thông tin trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và xin ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 15007/UBND-CNTT ngày 26/10/2020 giao nghiên cứu định mức hỗ trợ trong Dự thảo Quy định hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 5766/STC-QLNS.TTK ngày 02/11/2020 (Có văn bản kèm theo), Sở Thông tin và Truyền thông xin báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả hoàn thiện dự thảo như sau: .

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Căn cứ pháp lý

- Tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước: “Khuyến khích các cơ quan nhà nước ban hành quy định ưu đãi về thu nhập cho nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan mình”.

- Tại Điểm i mục 2 phần II Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế: “Xây dựng chính sách thu hút và đãi ngộ, chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước”.

- Tại Điểm g Mục 5 Phần IV Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025: *“Nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử trong bộ máy nhà nước”*.

- Tại ý thứ 2 Mục 5 phần III Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: *“Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao”*.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước, Chính phủ đặc biệt coi trọng việc triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia.

Thực hiện các nhiệm vụ đó, tỉnh Thanh Hóa đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách trong lĩnh vực ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, phát triển các dịch vụ thành phố thông minh; triển khai các chính sách tiếp cận các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, ... Việc triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử đã nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp, các ngành; công tác cải cách hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; nâng cao các chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư của tỉnh.

Góp phần quan trọng vào những kết quả đó, có sự tham gia trực tiếp trong công tác tham mưu, quản lý, hướng dẫn, triển khai, hỗ trợ, vận hành các hệ thống thông tin của đội ngũ cán bộ Công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước của tỉnh. Tuy nhiên, trong thực tế đội ngũ cán bộ Công nghệ thông tin của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, chưa phát huy được năng lực để đóng góp cho việc triển khai xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh. Cụ thể:

- Cán bộ Công nghệ thông tin có mức thu nhập thấp, cuộc sống gặp nhiều khó khăn nên chưa dành hết tâm huyết với công việc.

- Khối lượng công việc nhiều, áp lực công việc lớn, ngoài việc phải duy trì, hỗ trợ, tham mưu triển khai các hệ thống thông tin tại đơn vị, còn phải tham gia hỗ trợ ứng dụng Công nghệ thông tin và đảm bảo an toàn thông tin tại các đơn vị trực thuộc.

- Có sự chênh lệch lớn về mức thu nhập giữa cán bộ Công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước với cán bộ Công nghệ thông tin trong khối doanh

nghiệp nên rất khó để thu hút được nhân lực Công nghệ thông tin có chất lượng cao vào làm việc trong các cơ quan Đảng, nhà nước của tỉnh.

Để tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ Công nghệ thông tin đủ năng lực, trình độ, yên tâm công tác, tâm huyết với nghề, đáp ứng yêu cầu trong công tác tham mưu, triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin của tỉnh trong thời gian tới thì cần thiết phải xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ thu nhập cho các đối tượng này. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, tỉnh Thanh Hóa đang tập trung triển khai xây dựng Chính quyền điện tử và các dịch vụ của thành phố thông minh thì lực lượng này đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc vận hành, duy trì, hỗ trợ đảm bảo an toàn thông tin, cho các hệ thống CNTT dùng chung của tỉnh.

Thực tế đến nay, có nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước đã ban hành chính sách hỗ trợ thêm thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách Công nghệ thông tin, như: Nghệ An, Hà Tĩnh, Lào Cai, Vĩnh phúc, Hà Giang, Sơn La, Tiền Giang, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Thừa Thiên Huế, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, ...

Việc ban hành các chính sách này là hoàn toàn phù hợp với mục tiêu, yêu cầu về ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin của Đảng, Nhà nước và của tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

a) Thông qua chính sách hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để tăng thêm thu nhập, đảm bảo cho các đối tượng này yên tâm công tác, tâm huyết với nghề, từ đó phát huy được năng lực, vị trí, vai trò của họ, góp phần đẩy mạnh quá trình triển khai ứng dụng và bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống Công nghệ thông tin của tỉnh.

b) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách Công nghệ thông tin trong thực thi nhiệm vụ được giao.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

a) Phù hợp với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về triển khai ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin.

b) Phát huy được vai trò, vị trí, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách Công nghệ thông tin.

III. NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người được giao trực tiếp quản lý, vận hành các hệ thống Công nghệ thông tin trong các cơ quan thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành; các huyện, thị, thành ủy và UBND cấp huyện.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người được giao trực tiếp quản lý, vận hành các hệ thống Công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh đặt tại các Trung tâm dữ liệu của tỉnh gồm:

- Phòng Cơ yếu – CNTT thuộc Văn phòng Tỉnh ủy.
- Phòng Quản lý Công TT&T và CNTT thuộc Văn phòng UBND tỉnh.
- Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ Phòng Quản trị hệ thống thuộc Trung tâm CNTT&TT của Sở Thông tin và Truyền thông.

c) Cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu công tác quản lý nhà nước về Công nghệ thông tin tại Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng Quản lý CNTT).

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ

- a) Đảm bảo đúng đối tượng theo quy định.
- b) Có trình độ chuyên môn từ Đại học chuyên ngành CNTT, điện tử viễn thông trở lên.

3. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ hàng tháng được tính như sau:

- Trình độ tiến sĩ: bằng 2 lần mức lương cơ sở.
- Trình độ thạc sĩ: bằng 1.8 lần mức lương cơ sở.
- Trình độ đại học: bằng 1.5 lần mức lương cơ sở.

Mức hỗ trợ được thay đổi tương ứng khi mức lương cơ sở thay đổi.

4. Kinh phí thực hiện

- a) Dự kiến kinh phí hỗ trợ: 3.1 tỷ đồng/năm.
- b) Nguồn kinh phí: Kinh phí chi trả hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức chuyên trách Công nghệ thông tin sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp hiện hành, được bố trí trong dự toán kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc chi trả hỗ trợ thu nhập được chi trả cùng với tiền lương hàng tháng và không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

5. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 01/01/2021.

6. Tổ chức thực hiện

HĐND tỉnh giao:

- a) UBND tỉnh chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính hàng năm rà soát các đối tượng đảm bảo theo đúng quy định trình UBND tỉnh phê duyệt.

- b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

IV. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Kỳ họp thứ 14. Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII.

Hồ sơ kèm theo gồm có:

- Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh.
- Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.
- Báo cáo hiện trạng đội ngũ cán bộ CNTT.
- Các văn bản và tài liệu có liên quan.

Trên đây là nội dung Tờ trình đề nghị xây dựng Quy định hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, Sở Thông tin và Truyền thông kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PGĐ Nguyễn Văn Tước;
- Lưu: VT, CNTT.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Hữu Quyết

BÁO CÁO

Hiện trạng đội ngũ cán bộ Công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đơn vị sự nghiệp trực tiếp tham mưu, quản lý, vận hành các hệ thống CNTT dùng chung của tỉnh.

(Kèm theo Tờ trình số ~~1981~~ /TTr-STTT ngày 04/11/2020 của Sở TT&TT)

I. THỰC TRẠNG CÁN BỘ CNTT ĐANG TRỰC TIẾP VẬN HÀNH CÁC HỆ THỐNG CNTT TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH

1. Tại các cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội

Tổng số cán bộ CNTT tại Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban thuộc Tỉnh ủy, Đảng ủy khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội nông dân tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội cựu chiến binh tỉnh và các Huyện, thị, thành ủy có trình độ CNTT từ Trung cấp trở lên là 23 người. Cụ thể trong các đơn vị như sau:

1.1. Trung tâm Dữ liệu đặt tại Văn phòng Tỉnh ủy

a) Phòng Cơ yếu - CNTT thuộc Văn phòng Tỉnh ủy là đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành hệ thống mạng công nghệ thông tin các Cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa, từ Tỉnh ủy đến các huyện, thị, thành ủy, các Đảng ủy trực thuộc và 559 Đảng ủy xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

b) Tổng số biên chế hiện nay của Phòng Cơ yếu - CNTT là 9 người, trong đó, 3 người thực hiện nhiệm vụ cơ yếu, 6 người thực hiện nhiệm vụ về CNTT.

- Trong đó:

+ 05 người là Công chức.

+ 01 người là Hợp đồng 68.

c) Trình độ chuyên môn: Trong số 6 cán bộ CNTT của Phòng Cơ yếu - CNTT có 2 người có trình độ Thạc sỹ CNTT, 4 người có trình độ Đại học.

d) Nhiệm vụ chính:

Thực hiện Quyết định số 3004, ngày 17/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Văn phòng Tỉnh ủy, trong đó có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra văn phòng các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy về chuyên môn như: triển khai các phần mềm ứng dụng về công tác Cơ yếu - Công nghệ thông tin. Cùng với quyết định số 66-QĐ/VPTU, ngày 08/6/2016 của Chánh Văn phòng Tỉnh ủy. Phòng Cơ yếu - Công nghệ thông tin có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Tham mưu và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy về quản lý các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin; về xây dựng và thực hiện các dự án, kế hoạch, tổ chức các hệ thống thông tin điện tử nhằm ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng của tỉnh.

- Tổ chức quản lý, khai thác, ứng dụng, bảo vệ mạng thông tin diện rộng của đảng bộ; hướng dẫn nghiệp vụ cho văn phòng cấp ủy cấp dưới và các cơ quan đảng thuộc Tỉnh ủy.

- Thực hiện nâng cấp, sửa chữa, khắc phục các sự cố máy tính, thiết bị ngoại vi và hệ thống. Quản trị, vận hành, bảo trì kỹ thuật hệ thống trung tâm mạng và cơ sở dữ liệu của Tỉnh ủy.

- Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật các phòng thuộc văn phòng Tỉnh ủy, các ban Đảng của Tỉnh ủy, các cấp ủy trực thuộc thông qua bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ về công nghệ thông tin.

- Xây dựng trình lãnh đạo Văn phòng ban hành các văn bản, quy chế liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin; tổ chức hướng dẫn việc thực hiện. Phối hợp nghiên cứu, triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành của các cơ quan Đảng.

- Trực tiếp phân quyền khai thác các cơ sở dữ liệu, kho điện tử; quản trị và khai báo người dùng tại Trung tâm mạng Văn phòng Tỉnh ủy.

- Bộ phận cơ yếu hoạt động theo quy định của ngành Cơ yếu. Giúp lãnh đạo Văn phòng về công tác cơ yếu, bảo mật thông tin, phát triển mạng liên lạc cơ yếu; công tác đào tạo, các chế độ chính sách đối với cán bộ, nhân viên cơ yếu; quản lý về chuyên môn nghiệp vụ đối với cơ yếu các huyện, thị, thành ủy. Trực tiếp quản lý, khai thác, sử dụng các trang thiết bị kỹ thuật mật mã đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trên địa bàn được thông suốt, bảo đảm bí mật, chính xác, kịp thời trong mọi tình huống.

1.2. Tại các cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội

a) Về số lượng:

- Tổng số cán bộ, công chức có trình độ từ Trung cấp CNTT trở lên thuộc 39 cơ quan, đơn vị bao gồm các Ban thuộc Tỉnh ủy, Đảng ủy khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội nông dân tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội cựu chiến binh tỉnh và các Huyện, thị, thành ủy là 49 người.

- Trong đó:

+ 43 người là Công chức.

+ 5 người là Hợp đồng 68 và 1 người là Hợp đồng khác.

b) Về trình độ chuyên môn:

- 23 người có trình độ đại học CNTT.
- 01 người có trình độ Trung cấp CNTT
- 25 người có trình độ khác.

c) Về mức lương bình quân:

Thu nhập bình quân của cán bộ CNTT là 4.800.000đ/người/tháng.

2. Tại các cơ quan Nhà nước của tỉnh

Tổng số cán bộ CNTT trong các cơ quan Nhà nước của tỉnh gồm Văn phòng HĐND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có trình độ từ Trung cấp trở lên là 63 người. Cụ thể trong các đơn vị như sau:

2.1. Trung tâm Dữ liệu đặt tại Văn phòng UBND tỉnh.

a) Phòng Quản lý Công thông tin điện tử và CNTT thuộc Văn phòng UBND tỉnh là đơn vị vừa tham mưu, tổng hợp giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về lĩnh vực CNTT vừa trực tiếp quản lý, vận hành Trung tâm Dữ liệu của tỉnh đặt tại Văn phòng UBND tỉnh.

b) Số lượng người trực tiếp được giao tham mưu công tác quản lý nhà nước về CNTT và vận hành các hệ thống CNTT của Trung tâm dữ liệu: 4 người.

c) Trình độ chuyên môn: Có 01 CBCC có trình độ Thạc sỹ và 03 trình độ Đại học; Cả 04 CBCC đều có chuyên môn về CNTT.

d) Nhiệm vụ chính:

- Quản lý tổ chức và hoạt động của Công thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Quản lý, xuất bản và phát hành Công báo cấp tỉnh;
- Tham mưu tổng hợp, giúp UBND, Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi về lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin;
- Quản lý và duy trì hoạt động của Trung tâm tích hợp dữ liệu và mạng tin học của UBND tỉnh, mạng LAN của Văn phòng UBND tỉnh;
- Quản lý và vận hành hệ thống thiết bị Hội nghị trực tuyến của UBND tỉnh với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và các cơ quan, đơn vị trong tỉnh;
- Quản lý và vận hành các phần mềm, các hệ thống thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

2.2 Trung tâm Dữ liệu đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phòng Quản trị hệ thống thuộc Trung tâm CNTT-TT (đơn vị thuộc Sở TT&TT) là đơn vị trực tiếp quản trị, vận hành, hỗ trợ sử dụng các hệ thống dùng chung được triển khai tại Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu.

b) Số lượng người trực tiếp quản lý, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh: 09 người, gồm:

- Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm.
- Phòng Quản trị hệ thống (3 Viên chức, 4 Hợp đồng lao động).

c) Trình độ chuyên môn: Có 02 Thạc sỹ, 06 Đại học và 01 Cao đẳng. Trong đó, 01 người có chuyên môn Điện tử viễn thông và 08 người có chuyên môn về CNTT.

d) **Nhiệm vụ chính:**

- Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng máy tính và xử lý ứng cứu các sự cố liên quan đến dữ liệu, chương trình phần mềm, máy tính, mạng thông tin của các cơ quan, đơn vị, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức điều phối các hoạt động ứng cứu sự cố máy tính trong tỉnh; cảnh báo kịp thời các vấn đề về an toàn, an ninh mạng máy tính; phối hợp triển khai các tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh mạng máy tính; tuyên truyền phổ biến kiến thức về an toàn dữ liệu, an ninh thông tin trên địa bàn tỉnh

- Quản lý, vận hành và duy trì Trung tâm an ninh mạng và An toàn dữ liệu của tỉnh đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo thông suốt, an toàn, ổn định.

- Quản lý, vận hành và Hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh sử dụng các phần mềm dùng chung và dịch vụ công trực tuyến.

- Giám sát, theo dõi và tổng hợp thông tin trên không gian mạng.

- Vận hành, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống giao ban trực tuyến toàn tỉnh

2.3. Cán bộ CNTT vận hành các hệ thống thông tin trong các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện

a) Về số lượng:

Tổng số có 46 cán bộ CNTT tại 48 cơ quan, đơn vị gồm Văn phòng HĐND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện (Mỗi đơn vị 01 người, trừ Sở Thông tin và Truyền thông và Văn phòng UBND tỉnh do 2 Trung tâm đảm nhiệm việc hỗ trợ triển khai ứng dụng CNTT).

- Trong đó:

+ 32 người là Công chức.

+ 05 người là Viên chức.

+ 03 người là Hợp đồng 68.

+ 5 người là Hợp đồng lao động có thời hạn, 01 người là Cán sự.

b) Về trình độ chuyên môn:

- 40 người có trình độ Đại học CNTT trở lên.

- 02 người có trình độ Cao đẳng CNTT.

- 01 người có trình độ Đại học Kế toán.

c) Về mức lương bình quân:

Thu nhập bình quân của cán bộ CNTT là 4.700.000đ/người/tháng.

2.4. Cán bộ CNTT trực tiếp tham mưu công tác quản lý Nhà nước tại Sở Thông tin và Truyền thông

a) Về số lượng:

Phòng Quản lý CNTT thuộc Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị trực tiếp tham mưu công tác quản lý nhà nước lĩnh vực CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Số lượng người hiện có: 4 người.
- Trình độ chuyên môn: 3 người có chuyên môn về CNTT và 01 chuyên môn về Điện tử - Viễn thông.

b) Các nhiệm vụ chính:

- Tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về CNTT; cơ chế, chính sách, các quy định quản lý, hỗ trợ phát triển công nghiệp CNTT.
- Tổ chức thực hiện, báo cáo định kỳ, đánh giá tổng kết việc thực hiện các kế hoạch về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước của tỉnh.
- Xây dựng quy chế, quy định về hoạt động ứng dụng CNTT của tỉnh.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực CNTT trên địa bàn tỉnh và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.
- Tổ chức, hướng dẫn thực hiện các quy định về an toàn CNTT theo thẩm quyền.
- Tổ chức, hướng dẫn thực hiện các dự án ứng dụng CNTT phục vụ thu thập, lưu giữ, xử lý thông tin số phục vụ sự chỉ đạo của tỉnh.
- Xây dựng quy chế quản lý, vận hành, đảm bảo kỹ thuật, an toàn thông tin; hướng dẫn sử dụng cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo, Điều hành, tác nghiệp của tỉnh.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá chung

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 86 cán bộ CNTT đang trực tiếp vận hành các hệ thống CNTT, Trung tâm Dữ liệu và trực tiếp tham mưu công tác quản lý Nhà nước về CNTT cho các cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội. Trong đó, có 94,1% có trình độ Đại học và trên Đại học chuyên ngành CNTT và điện tử viễn thông; có 3,5% trình độ Cao đẳng CNTT; có 1,2% trình độ Trung cấp CNTT và 1,2% chuyên ngành khác. Đa phần cán bộ CNTT là cán bộ trẻ, được đào tạo cơ bản, khả năng tiếp thu nhanh, cần cù, chịu khó, nhiệt huyết với công việc; có vai trò quan trọng trong việc tham mưu, duy trì, quản lý, vận hành các hệ thống CNTT dùng chung của tỉnh, góp phần xây dựng thành công Chính quyền điện tử của tỉnh; được tin tưởng giao đảm nhận nhiều công việc khác nhau tại các cơ quan, đơn vị nơi công tác.

2. Tồn tại, hạn chế

- Khối lượng công việc lớn, ngoài các nhiệm vụ về tham mưu, vận hành, khai thác, đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống CNTT dùng chung của tỉnh còn được giao thực hiện nhiều công việc khác nhau tại các cơ quan, đơn vị.
- Chưa được quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ trong công việc, không phát huy được năng lực, chuyên môn nghiệp vụ, phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau.

- Có thu nhập thấp so với những người có cùng năng lực, trình độ làm trong khối doanh nghiệp.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ CNTT đảm bảo đủ năng lực, trình độ, tâm huyết với nghề, đáp ứng yêu cầu trong công tác tham mưu, triển khai ứng dụng CNTT của tỉnh trong thời gian tới, Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị UBND tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức chuyên trách Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PGĐ Nguyễn Văn Tước;
- Lưu: VT, CNTT.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Hữu Quyết

PHỤ LỤC

Định mức hỗ trợ cán bộ CNTT của một số tỉnh, thành phố.

(Kèm theo Tờ trình số 198/TTTr-STTT ngày 04/ 11/2020 của Sở TT&TT)

TT	Các tỉnh, thành phố	Phạm vi, Đối tượng hỗ trợ	Năm bắt đầu thực hiện	Mức hỗ trợ
I	I. Các tỉnh, thành phố			
1	Lào Cai	1. Phạm vi áp dụng: Chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức chuyên trách làm công tác công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Lào Cai được áp dụng đối với các cơ quan thuộc khối Đảng; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam; các cơ quan đoàn thể cấp tỉnh; cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh. 2. Đối tượng áp dụng: Chính sách này áp dụng đối với công chức, viên chức có bằng chuyên môn từ Đại học trở lên về Công nghệ thông tin (CNTT), điện tử viễn thông (ĐTVT), hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước và đáp ứng một trong các điều kiện sau: a) Trực tiếp điều hành ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông làm việc tại các phòng chuyên môn thuộc cơ quan chuyên trách quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông trực thuộc UBND tỉnh; b) Làm việc tại Trung tâm Công nghệ thông tin; Phòng Công nghệ thông tin trực thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh được thành lập theo đúng thẩm quyền; c) Được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phân công nhiệm vụ trực tiếp vận hành, quản trị mạng nội bộ, quản trị hệ thống thông tin tại các cơ quan thuộc khối Đảng; Ủy ban Mặt trận tổ quốc	2012	1. Trình độ trên đại học: hệ số 3,0 so với mức lương tối thiểu chung hiện hành/người/tháng. 2. Trình độ đại học: Hệ số 2,0 so với mức lương tối thiểu chung hiện hành/người/tháng.

		Việt Nam; các cơ quan đoàn thể cấp tỉnh; cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh do Ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, số lượng công chức, viên chức được bố trí đảm nhiệm công việc này ở mỗi cơ quan, đơn vị không vượt quá 02 người.		
2	Bình Dương	1. Phạm vi điều chỉnh Chế độ ưu đãi đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác công nghệ thông tin (CNTT), viễn thông được thực hiện trong các cơ quan Đảng, Đoàn thể, các cơ quan hành chính, sự nghiệp cấp tỉnh, huyện, xã (sau đây gọi chung là cơ quan) trên địa bàn tỉnh Bình Dương. 2. Đối tượng áp dụng Chế độ ưu đãi này được áp dụng đối với: 2.1. Cán bộ, công chức, viên chức được bố trí làm chuyên trách hoặc bán chuyên trách về CNTT, viễn thông trong các cơ quan: a) Cơ quan hoặc bộ phận chuyên trách về CNTT cấp tỉnh; b) Cơ quan, đơn vị đang quản lý cơ sở dữ liệu của tỉnh hoặc công thông tin điện tử của tỉnh; c) Các cơ quan không quản lý cơ sở dữ liệu của tỉnh nhưng có website cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ mức độ 2 trở lên và đạt trên 50% nhiệm vụ được giao; d) Cơ quan hoặc bộ phận chuyên trách về viễn thông cấp tỉnh; đ) Cơ quan hoặc bộ phận chuyên trách về CNTT cấp huyện; e) Cơ quan hoặc bộ phận chuyên trách về viễn thông cấp huyện; g) Các cơ quan, đơn vị có mạng trên 10 máy tính; h) Ủy ban nhân dân cấp xã có mạng từ 5 máy tính trở lên. 2.2. Cán bộ lãnh đạo, quản lý trực tiếp chỉ đạo công tác CNTT, viễn thông tại các cơ quan quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này.	2009	1. Cán bộ, công chức, viên chức được bố trí làm chuyên trách về CNTT công tác tại cơ quan quy định tại điểm a, b, c khoản 1, Điều 2 của Quy định này được hưởng chế độ ưu đãi như sau: a) Trình độ tiến sĩ: 3.000.000 đồng/tháng; b) Trình độ thạc sĩ: 2.500.000 đồng/tháng; c) Trình độ đại học: 2.000.000 đồng/tháng; d) Trình độ cao đẳng: 1.500.000 đồng/tháng. 2. Cán bộ, công chức, viên chức được bố trí làm chuyên trách về CNTT công tác tại cơ quan quy định tại điểm đ, g khoản 1, Điều 2 và cán bộ, công chức chuyên trách về viễn thông công tác tại cơ quan quy định tại điểm d khoản 1, Điều 2 của Quy định này được hưởng chế độ ưu đãi như sau: a) Trình độ tiến sĩ: 2.700.000 đồng/tháng; b) Trình độ thạc sĩ: 2.200.000 đồng/tháng; c) Trình độ đại học: 1.700.000 đồng/tháng; d) Trình độ cao đẳng: 1.200.000 đồng/tháng. 3. Cán bộ, công chức, viên chức được bố trí làm bán chuyên trách về CNTT công tác tại cơ quan quy định tại điểm a, b, c khoản 1, Điều 2 và cán bộ, công chức chuyên trách về viễn thông công tác tại cơ quan quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 của Quy định này được hưởng chế độ ưu đãi như sau: a) Trình độ tiến sĩ: 2.500.000 đồng/tháng; b) Trình độ thạc sĩ: 2.000.000 đồng/tháng; c) Trình độ đại học: 1.200.000 đồng/tháng; d) Trình độ cao đẳng: 1.000.000 đồng/tháng; đ) Trình độ trung cấp, kỹ thuật viên: 700.000 đồng/tháng. 4. Cán bộ, công chức, viên chức được bố trí làm bán

				chuyên trách về CNTT công tác tại các cơ quan quy định tại điểm đ, g, h khoản 1, Điều 2 của Quy định này được hưởng chế độ ưu đãi như sau: a) Trình độ tiến sĩ: 2.200.000 đồng/tháng; b) Trình độ thạc sĩ: 1.700.000 đồng/tháng; c) Trình độ đại học: 1.000.000 đồng/tháng; d) Trình độ cao đẳng: 800.000 đồng/tháng; đ) Trình độ trung cấp, kỹ thuật viên: 500.000 đồng/tháng. 5. Cán bộ lãnh đạo, quản lý trực tiếp chỉ đạo công tác CNTT, viễn thông tại các cơ quan quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1, Điều 2 của Quy định này được hưởng chế độ ưu đãi 1.200.000 đồng/tháng. 6. Cán bộ lãnh đạo, quản lý trực tiếp chỉ đạo công tác CNTT, viễn thông tại các cơ quan quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều 2 của Quy định này được hưởng chế độ ưu đãi 800.000 đồng/tháng.
3	Vĩnh Phúc	1. Phạm vi áp dụng Cán bộ, công chức, viên chức được bố trí làm về CNTT-TT trong các cơ quan Đảng, Đoàn thể và Nhà nước cấp tỉnh; huyện ủy, UBND cấp huyện và cấp xã của tỉnh Vĩnh Phúc. 2. Đối tượng áp dụng a) Cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách địa phương, có bằng chuyên môn trình độ cao đẳng về CNTT-TT trở lên được thủ trưởng cơ quan, đơn vị giao thực hiện một trong các nhiệm vụ sau: - Quản trị mạng; Quản trị các dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo quy định của nhà nước; - Quản trị Cổng thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc; - Quản trị trang thông tin (Cổng thông tin) điện tử các cơ quan, địa phương. b) Cán bộ lãnh đạo, quản lý được phân công trực tiếp chỉ đạo, thực hiện công tác CNTT-TT tại các cơ quan Đảng, Đoàn thể và Nhà nước chuyên trách về CNTT - TT cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan đang quản lý cơ sở dữ liệu của tỉnh, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử của tỉnh; cơ quan, địa phương có Trang thông	2012	1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức: - Cán bộ, công chức, viên chức làm chuyên trách về CNTT-TT ở cơ quan cấp tỉnh; huyện ủy, UBND cấp huyện: + Trình độ tiến sĩ: 3,0 lần mức lương tối thiểu chung; + Trình độ thạc sĩ: 2,5 lần mức lương tối thiểu chung; + Trình độ đại học: 2,0 lần mức lương tối thiểu chung; + Trình độ cao đẳng: 1,0 lần mức lương tối thiểu chung. - Cán bộ, công chức, viên chức làm chuyên trách về CNTT-TT ở cơ quan đơn vị cấp chỉ cục thuộc ngành hoặc tương đương: hưởng mức hỗ trợ bằng 60% mức hỗ trợ cán bộ chuyên trách làm về CNTT-TT ở cơ quan cấp tỉnh có trình độ tương ứng. - Người làm về CNTT-TT ở cấp xã: Hưởng mức hỗ trợ bằng 40% mức hỗ trợ cán bộ chuyên trách làm về CNTT-TT ở cơ quan cấp tỉnh có trình độ tương ứng. 2. Cán bộ lãnh đạo, quản lý: - Cán bộ lãnh đạo, quản lý chuyên trách: + Cấp tỉnh: 0,8 lần mức lương tối thiểu chung;

		tin (Công thông tin) điện tử hỗ trợ dịch vụ công (trên 50% nhiệm vụ được giao) qua môi trường mạng từ mức độ 2 trở lên.		+ Cấp huyện: 0,5 lần mức lương tối thiểu chung; - Cán bộ lãnh đạo, quản lý kiêm nhiệm; + Cấp tỉnh: 0,6 lần mức lương tối thiểu chung; + Cấp huyện: 0,3 lần mức lương tối thiểu chung. 3. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện được hỗ trợ nhiều chính sách đặc thù khác nhau của tỉnh chỉ được hưởng chế độ hỗ trợ cao nhất.
4	Đồng Nai	1. Phạm vi điều chỉnh Chế độ trợ cấp thu hút đối với cán bộ, công chức (sau đây gọi chung là cán bộ) chuyên trách làm công tác công nghệ thông tin (CNTT) được thực hiện trong các cơ quan Đảng; cơ quan hành chính Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi chung là cơ quan) của tỉnh Đồng Nai. 2. Đối tượng áp dụng Chế độ trợ cấp thu hút này được áp dụng đối với cán bộ được bố trí làm chuyên trách về CNTT để đảm nhận các nhiệm vụ sau đây: a) Quản lý các cơ sở dữ liệu (CSDL) được Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện; b) Quản lý và biên tập cổng thông tin điện tử của tỉnh Đồng Nai; c) Quản lý và biên tập Website của cơ quan đảm bảo cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công trực tuyến của cơ quan đạt trên 50% số dịch vụ hành chính công được giao qua môi trường mạng ở mức độ 02 trở lên; d) Quản lý kỹ thuật, duy trì và phát triển mạng từ 20 máy vi tính trở lên đảm bảo phục vụ tốt công tác quản lý Nhà nước của cơ quan.	2010	1. Trình độ thạc sĩ: 2,0 lần x (MLTT); 2. Trình độ đại học: 1,5 lần x (MLTT); 3. Trình độ cao đẳng: 1,0 lần x (MLTT); Mức trợ cấp thu hút được thay đổi tương ứng khi mức lương tối thiểu thay đổi.
5	Hà Tĩnh	1. Quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp chuyên trách công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, với các nội dung chính sau đây: 2. Đối tượng áp dụng 2.1. Cán bộ, công chức có bằng từ đại học chính quy trở lên về chuyên ngành công nghệ thông tin trong chỉ tiêu biên chế	2014	1. Chế độ đặc thù thực hiện thông qua việc hỗ trợ theo hệ số so với mức lương cơ sở hiện hành, được tính trả theo lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội; mức cụ thể như sau: a) Ở các cơ quan cấp tỉnh: - Trình độ tiến sĩ: 2,0; - Trình độ thạc sĩ: 1,5;

	được phân công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công nghệ thông tin tại Sở Thông tin và Truyền thông; 2.2. Cán bộ, công chức, viên chức có bằng từ đại học chính quy trở lên về chuyên ngành công nghệ thông tin trong chỉ tiêu biên chế của các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp chuyên trách công nghệ thông tin công lập không có thu, được bố trí làm nhiệm vụ chuyên trách về công nghệ thông tin theo Quyết định 07/2011/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo các tiêu chuẩn nghiệp vụ quy định tại Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh; 2.3. Cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế của Ủy ban nhân dân cấp xã được phân công thực hiện nhiệm vụ chuyên trách công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã, đảm bảo các tiêu chuẩn nghiệp vụ quy định tại Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh;	- Trình độ đại học: 1,0. b) Ở các cơ quan cấp huyện, mức hỗ trợ cho cán bộ có trình độ tương ứng bằng 60% so với mức hỗ trợ ở các cơ quan cấp tỉnh. c) Ở Ủy ban nhân dân cấp xã, mức hỗ trợ cho cán bộ có trình độ tương ứng bằng 40% so với mức hỗ trợ ở các cơ quan cấp tỉnh. Riêng đối với cán bộ, công chức không có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin nhưng có chứng chỉ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông đảm bảo các tiêu chuẩn nghiệp vụ đối với cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về công nghệ thông tin theo Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh được hỗ trợ mức 0,1. 2. Trường hợp một đối tượng trùng nhiều mức hỗ trợ theo quy định này thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.
--	---	---